

TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN KHI VĂN BẢN CÔNG CHỨNG VÔ HIỆU

● NGUYỄN TRÍ CƯỜNG

TÓM TẮT:

Khi văn bản công chứng vô hiệu có thể làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên nếu có căn cứ cho rằng có tồn tại hành vi vi phạm của công chứng viên trong quá trình công chứng văn bản đó. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên là một trách nhiệm dân sự đặc thù, được đặt ra trong mối quan hệ giữa công chứng viên với người yêu cầu công chứng hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến văn bản công chứng bị vô hiệu.

Từ khóa: bồi thường thiệt hại, công chứng viên, văn bản công chứng vô hiệu.

1. Đặt vấn đề

Điều 2 Luật Công chứng 2014 nêu rõ: Hoạt động công chứng là hoạt động cung cấp “dịch vụ pháp lý công có điều kiện”. Công chứng viên là một chức danh tư pháp đóng vai trò như “cánh tay nối dài” của Nhà nước để công chứng, xác thực giá trị pháp lý của văn bản công chứng. Do đó, khi một văn bản đã được công chứng, văn bản đó đương nhiên có giá trị chứng cứ và giá trị thi hành. Như vậy, vấn đề đặt ra là khi văn bản công chứng vô hiệu, tức là khi giá trị pháp lý của văn bản công chứng không được đảm bảo, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên sẽ được xác định như thế nào?

2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên khi văn bản công chứng vô hiệu

2.1. Văn bản công chứng vô hiệu

“Văn bản công chứng vô hiệu” có thể xuất phát từ nhiều nguyên do khác nhau, tương tự như những

nguyên do dẫn đến hợp đồng, giao dịch vô hiệu trong pháp luật Dân sự.

Luật Công chứng 2014 không có định nghĩa cụ thể thế nào là “văn bản công chứng vô hiệu”. Xét định nghĩa về văn bản công chứng tại khoản 4 Điều 2 Luật Công chứng 2014, văn bản công chứng là hợp đồng, giao dịch, bản dịch đã được công chứng viên công chứng theo quy định của pháp luật công chứng. Từ định nghĩa này, có thể suy luận văn bản công chứng vô hiệu là hợp đồng, giao dịch, bản dịch không có giá trị pháp lý mặc dù đã thông qua thủ tục công chứng.

Văn bản công chứng vô hiệu có thể xuất phát từ nhiều nguyên do khác nhau, tương tự như những nguyên do dẫn đến hợp đồng, giao dịch vô hiệu trong pháp luật Dân sự. Cụ thể, theo quy định tại Điều 117 và Điều 122 Bộ luật Dân sự 2015, một giao dịch dân sự sẽ bị vô hiệu khi không thỏa mãn ít nhất một trong các điều kiện sau đây: năng lực chủ

thể tham gia giao dịch không đầy đủ; chủ thể tham gia giao dịch không trên cơ sở sự tự nguyện hoàn toàn; mục đích và nội dung giao dịch vi phạm điều cấm, trái đạo đức xã hội và giao dịch không thỏa mãn về mặt hình thức luật định.

2.2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên

2.2.1. Khái niệm trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên trong hoạt động công chứng cũng là một loại trách nhiệm dân sự gắn với nghề nghiệp của công chứng viên. Điều 38 Luật Công chứng 2014 nêu rõ: Tổ chức hành nghề công chứng phải bồi thường thiệt hại cho người yêu cầu công chứng và cá nhân, tổ chức khác do lỗi mà công chứng viên, nhân viên hoặc người phiên dịch là cộng tác viên của tổ chức mình gây ra trong quá trình công chứng.

Công chứng viên, nhân viên hoặc người phiên dịch là cộng tác viên gây thiệt hại phải hoàn trả lại một khoản tiền cho tổ chức hành nghề công chứng đã chi trả khoản tiền bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật; trường hợp không hoàn trả thì tổ chức hành nghề công chứng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hành vi vi phạm của công chứng viên có thể xuất phát từ lý do công chứng viên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ quy trình, thủ tục công chứng, hoặc các nguyên nhân chủ quan khác. Do đó, để xác định được có hay không trách nhiệm bồi thường của công chứng viên thì phải xác định được trong quá trình công chứng, có hay không việc công chứng viên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy trình, thủ tục công chứng do luật định dẫn đến thiệt hại phải bồi thường.

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên trong hoạt động công chứng cũng là một loại trách nhiệm dân sự gắn với nghề nghiệp của công chứng viên. Khoản 1 Điều 38 Luật Công chứng 2014 đã đặt ra trách nhiệm bồi thường thiệt hại của tổ chức hành nghề công chứng cho người yêu cầu công chứng hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan khi công chứng viên có lỗi gây ra thiệt hại. Với quy định này, khi văn bản công chứng vô

hiệu dẫn đến thiệt hại cho người yêu cầu công chứng hoặc tổ chức, cá nhân khác có liên quan, thì công chứng viên chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp công chứng viên có hành vi vi phạm dẫn đến thiệt hại.

Hành vi vi phạm của công chứng viên có thể xuất phát từ lý do công chứng viên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ quy trình, thủ tục công chứng, hoặc các nguyên nhân chủ quan khác. Do đó, để xác định được có hay không trách nhiệm bồi thường của công chứng viên thì phải xác định được trong quá trình công chứng, có hay không việc công chứng viên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy trình, thủ tục công chứng do luật định dẫn đến thiệt hại phải bồi thường.

Với những phân tích trên, có thể tóm lược định nghĩa về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên như sau: “Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên là một loại trách nhiệm dân sự, theo đó, công chứng viên có hành vi vi phạm trong quá trình công chứng dẫn đến thiệt hại cho người yêu cầu công chứng hoặc các tổ chức, cá nhân khác liên quan thì phải chịu trách nhiệm bồi thường tương ứng với phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra”.

2.2.2. Đặc điểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên là một trách nhiệm dân sự vì có đầy đủ các yếu tố cấu thành của loại trách nhiệm này, như tồn tại hành vi vi phạm hợp đồng hoặc hành vi trái pháp luật, có thiệt hại thực tế xảy ra và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm với thiệt hại thực tế. Bên cạnh đó, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên còn có một số đặc điểm sau đây:

+ *Thứ nhất*, chủ thể gây thiệt hại phải là công chứng viên. Hành vi gây thiệt hại phải là hành vi liên quan đến hoạt động công chứng của công chứng viên.

+ *Thứ hai*, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên đa phần là trách nhiệm đối với thiệt hại về vật chất. Khi một văn bản công chứng bị vô hiệu do lỗi của công chứng viên thì thiệt hại phát sinh đa phần sẽ là các thiệt hại liên quan đến

tài sản hoặc quyền tài sản. Tuy vậy, vấn đề bồi thường thiệt hại về tinh thần cũng được đặt ra khi người yêu cầu bồi thường thiệt hại chứng minh được rằng thiệt hại về tinh thần của họ là hậu quả phát sinh khi văn bản công chứng bị Tòa án tuyên vô hiệu.

+ *Thứ ba*, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên là một loại trách nhiệm được bảo hiểm. Trách nhiệm này được bảo hiểm thông qua việc thực hiện nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên của các tổ chức hành nghề công chứng. Đây là nghĩa vụ bắt buộc được quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Công chứng 2014.

2.2.3. Phân loại trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên vừa có thể là trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo hợp đồng, vừa có thể là trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Việc phân định 2 loại trách nhiệm này sẽ tùy thuộc vào chủ thể bị thiệt hại. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Công chứng 2014, chủ thể được quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại trong hoạt động công chứng gồm người yêu cầu công chứng và cá nhân, tổ chức khác bị thiệt hại do lỗi của công chứng viên gây ra. Như vậy, về cơ bản, có 2 loại chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và tương ứng với mỗi loại chủ thể, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên mang bản chất pháp lý khác nhau:

Theo Luật Công chứng 2014, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên vừa có thể là trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo hợp đồng, vừa có thể là trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

+ Trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo hợp đồng: đây là trách nhiệm bồi thường thiệt hại đặt ra đối với công chứng viên khi chủ thể bị thiệt hại là người yêu cầu công chứng. Theo quy trình công chứng hiện nay, khi người yêu cầu công chứng đến tổ chức hành nghề công chứng để yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch, người yêu cầu công chứng phải điền, ký tên vào phiếu yêu cầu công chứng theo mẫu có sẵn tại tổ chức hành nghề công

chứng và chuyển giao phiếu yêu cầu công chứng cho công chứng viên tiếp nhận cùng với những giấy tờ, tài liệu cần công chứng. Phiếu yêu cầu công chứng có giá trị pháp lý tương đương như một hợp đồng được giao kết giữa tổ chức hành nghề công chứng và người yêu cầu công chứng. Do vậy, khi văn bản công chứng bị vô hiệu và làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên đối với người yêu cầu công chứng thì đây là trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo hợp đồng.

+ Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: đây là trách nhiệm đặt ra đối với công chứng viên khi chủ thể bị thiệt hại là tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Có thể dễ dàng khẳng định mối quan hệ giữa công chứng viên với tổ chức, cá nhân khác bị thiệt hại từ văn bản công chứng vô hiệu là mối quan hệ gián tiếp và trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu có phát sinh giữa công chứng viên với các chủ thể này sẽ trách nhiệm ngoài hợp đồng.

2.2.4. Điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên khi văn bản công chứng vô hiệu phát sinh khi thỏa mãn đồng thời cả ba điều kiện sau đây:

+ *Điều kiện thứ nhất*: có hành vi vi phạm của công chứng viên trong quá trình công chứng. Điều kiện này được xây dựng trên nguyên tắc chung về bồi thường thiệt hại trong Bộ luật Dân sự 2015. Cụ thể, tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về trách nhiệm dân sự giữa bên có nghĩa vụ với bên có quyền khi bên có nghĩa vụ vi phạm nghĩa vụ hợp đồng; hay theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ luật này về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác loại trừ trách nhiệm bồi thường của người có hành vi vi phạm.

Theo quy định tại Điều 4 Luật Công chứng 2014 về nguyên tắc hành nghề công chứng, công chứng viên phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; quy tắc đạo đức hành nghề công chứng; phải khách quan,

trung thực và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và người yêu cầu công chứng về văn bản công chứng. Trên cơ sở các nguyên tắc này, tiêu chuẩn để đánh giá một hành vi của công chứng viên trong quá trình công chứng có phải là hành vi vi phạm hay không sẽ căn cứ vào những quy định, quy tắc bắt buộc mà công chứng viên phải tuân thủ trong quá trình hành nghề.

+ *Điều kiện thứ hai:* văn bản công chứng bị vô hiệu làm phát sinh thiệt hại cho người yêu cầu bồi thường. Thiệt hại là điều kiện tiên quyết phát sinh trách nhiệm bồi thường. Theo tác giả Bùi Văn Thuấn trong cuốn sách “Tìm hiểu về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội xuất bản năm 2004, trách nhiệm bồi thường thiệt hại nhằm khôi phục lại toàn bộ hay một phần tình trạng tài sản trước khi xảy ra thiệt hại hoặc bù đắp những tổn thất do tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự bị xâm phạm cho người bị thiệt hại nên thiệt hại được coi là điều kiện có ý nghĩa quan trọng trong chế định bồi thường thiệt hại và trách nhiệm bồi thường chỉ phát sinh khi có thiệt hại xảy ra. Trường hợp không có thiệt hại thì sẽ không có nghĩa vụ bồi thường ngay cả khi tồn tại hành vi trái pháp luật.¹

Trong hoạt động công chứng, nguyên tắc bồi thường thiệt hại được thể hiện qua quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Công chứng 2014: “Tổ chức hành nghề công chứng phải bồi thường thiệt hại cho người yêu cầu công chứng và cá nhân, tổ chức khác do lỗi mà công chứng viên, nhân viên hoặc người phiên dịch là cộng tác viên của tổ chức mình gây ra trong quá trình công chứng”. Quy định này được xây dựng trên nguyên tắc chung của pháp luật Dân sự nước ta về chế định bồi thường thiệt hại.

+ *Điều kiện thứ ba:* có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm của công chứng viên với hậu quả xảy ra. Tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm của công chứng viên và thiệt hại mà người yêu cầu bồi thường phải gánh chịu là điều kiện đủ để làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên. Tại Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP cũng quy định “Phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật. Thiệt hại xảy ra phải là

kết quả tất yếu của hành vi trái pháp luật và ngược lại hành vi trái pháp luật là nguyên nhân gây ra thiệt hại” thì mới đủ cơ sở để làm phát sinh quyền yêu cầu bồi thường của người bị thiệt hại.

Như vậy, trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên khi văn bản công chứng vô hiệu sẽ phát sinh khi hội tụ đủ cả ba điều kiện nêu trên.

2.3. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên khi văn bản công chứng vô hiệu và giải pháp hoàn thiện

2.3.1. Về việc xác định hành vi vi phạm của công chứng viên

Trong thực tiễn, việc xác định một văn bản công chứng vô hiệu có xuất phát từ nguyên nhân do hành vi vi phạm của công chứng viên hay không thường làm phát sinh nhiều tranh cãi và ý kiến trái chiều. Chẳng hạn như liên quan đến việc công chứng viên không thể phát hiện được giấy tờ giả hoặc người yêu cầu công chứng giả, có quan điểm cho rằng công chứng viên không có lỗi hoặc cho rằng đây là lỗi vô ý của công chứng viên. Điển hình như theo Bản án số 56/2012/DS-ST ngày 30/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cái Răng, thành phố Cần Thơ, một văn phòng công chứng bị tòa tuyên buộc bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 300 triệu đồng do công chứng hợp đồng không đúng chủ thể. Công chứng viên không phát hiện được một trong ba người của bên chuyển nhượng tài sản là người giả khiến nguyên đơn bị tranh chấp khi làm thủ tục đăng ký sang tên tài sản. Tòa cấp sơ thẩm nhận định đây là lỗi vô ý của công chứng viên nên đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc tổ chức hành nghề công chứng phải bồi thường toàn bộ thiệt hại của nguyên đơn là 300 triệu đồng. Tuy nhiên, khi tổ chức hành nghề công chứng kháng cáo bản án nêu trên lên tòa án cấp phúc thẩm, tòa cấp phúc thẩm đã đánh giá rằng số tiền 300 triệu đồng mà nguyên đơn bị thiệt hại là do một người khác chiếm đoạt nên đã sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì khởi kiện không đúng.²

Với thực tiễn vừa nêu, có thể thấy rằng, hiện nay, cách thức xác định hành vi vi phạm của công

chứng viên khiến văn bản công chứng vô hiệu chưa được hiểu và áp dụng thống nhất.

Kiến nghị: Để hạn chế bất cập trong việc xác định hành vi vi phạm của công chứng viên dẫn đến văn bản công chứng bị vô hiệu, thiết nghĩ cần thiết phải có những quy định pháp lý hướng dẫn cụ thể về nguyên tắc xác định hành vi vi phạm cũng như mức độ lỗi của công chứng viên. Từ đó, có thể xác định chính xác chủ thể phải chịu trách nhiệm bồi thường khi văn bản công chứng vô hiệu. Đặc biệt, nên quy định cụ thể các trường hợp được xem là bất khả kháng trong hoạt động công chứng để loại trừ trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên.

2.3.2. Về việc xác định mức thiệt hại phải bồi thường

Việc xác định thiệt hại mà công chứng viên phải bồi thường trên thực tiễn cũng gặp không ít khó khăn, đặc biệt là việc xác định thiệt hại về tinh thần và những chi phí cần thiết để khắc phục các thiệt hại về vật chất.

+ *Xác định thiệt hại về tinh thần:* Trên thực tế, thiệt hại về tinh thần không thể xác định được thông qua phương thức định giá hay các phương thức thông thường như đối với thiệt hại về tài sản. Do vậy, pháp luật nước ta khuyến khích các bên tự thỏa thuận với nhau về mức bồi thường đối với loại thiệt hại này. Trường hợp các bên không thể thỏa thuận được thì Tòa án sẽ xác định căn cứ trên mức độ tổn thất tinh thần của người bị thiệt hại để xác định mức bồi thường và được giới hạn ở một mức luật định. Tuy vậy, việc xác định mức độ tổn thất tinh thần của người bị thiệt hại để đưa ra mức bồi thường tổn thất về tinh thần hợp lý không phải là một điều dễ dàng, bởi trên thực tế không có tiêu chí nào rõ ràng để xác định tổn thất tinh thần đang ở mức độ nào.

+ *Xác định chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại:* Theo quy định tại Khoản 4 Mục I Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP, chi phí hợp lý là “chi phí thực tế cần thiết, phù hợp với tính chất, mức độ của thiệt hại, phù hợp với giá trung bình của địa phương tại thời điểm chi phí”. Xác định như thế nào “cần thiết”, “phù hợp” là một yêu cầu khó. Chẳng hạn như chi phí thuê luật sư có được

xem là chi phí cần thiết hay không, hiện nay vẫn còn nhiều quan điểm trái chiều. Có quan điểm cho rằng đây là chi phí cần thiết, vì nếu không có yếu tố gây thiệt hại thì người bị thiệt hại không cần kiện tụng và bỏ ra các chi phí nêu trên. Ngược lại, cũng có quan điểm cho rằng chi phí thuê luật sư, thuê người đại diện tham gia tố tụng không phải là việc làm mà pháp luật bắt buộc các bên tham gia vụ kiện phải thực hiện. Trên thực tiễn xét xử, các quan điểm của các thẩm phán cũng trái ngược nhau, có những vụ kiện các chi phí này được Tòa án chấp nhận nhưng cũng có những vụ kiện Tòa án bác yêu cầu bồi thường, vì đánh giá rằng đây không phải là một chi phí cần thiết.³

Kiến nghị: Xác định được chủ thể có trách nhiệm bồi thường thiệt hại là một bước quan trọng, nhưng xác định được chính xác thiệt hại cần phải được bồi thường cũng rất quan trọng.

Với những quy định mang tính nguyên tắc về bồi thường thiệt hại như hiện nay, để đảm bảo công bằng và thực thi hiệu quả trên thực tiễn, cần thiết phải ban hành những quy định hướng dẫn cụ thể về xác định mức bồi thường cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên trong hoạt động công chứng. Khi một văn bản công chứng bị Tòa án tuyên vô hiệu, cơ sở nào được áp dụng để xác định trách nhiệm của các chủ thể và mức độ thiệt hại cần bồi thường? Đồng thời, việc lựa chọn và ban hành những án lệ liên quan để hướng dẫn áp dụng pháp luật cũng vô cùng cần thiết để đảm bảo sự rõ ràng, hiệu quả trong việc thực thi chế định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên khi văn bản công chứng vô hiệu.

3. Kết luận

Trước sự phát triển đa dạng của các giao dịch thương mại, dân sự, nội dung của văn bản công chứng ngày càng phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy cơ dẫn đến bị vô hiệu. Việc đánh giá và xác định đúng trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên khi văn bản công chứng vô hiệu không những là công cụ thực hiện nguyên tắc “bồi thường thiệt hại đầy đủ, kịp thời” trong pháp luật nước ta, mà còn giúp đội ngũ công chứng viên nâng cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình công chứng, đảm bảo giá trị pháp lý của văn bản công chứng ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN VÀ THAM KHẢO:

- 1 Lê Minh Hùng (2019). *Sách tình huống Pháp luật hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Bình luận bản án)*. Nxb Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội.
- 2 Nguyễn Trí Cường (2021). *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của công chứng viên trong hoạt động công chứng*. Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Trà Vinh, Trà Vinh.
- 3 Phan Thương, “Áp dụng pháp luật về trách nhiệm dân sự: Đòi bồi hoàn tiền thuê luật sư, được không?”. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Hà Nội.
- 4 Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015*.
- 5 Quốc hội (2014). *Luật Công Chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/6/2014*.
- 6 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao (2006). *Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*.

Ngày nhận bài: 11/1/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 11/2/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 21/2/2022

Thông tin tác giả:

ThS. NGUYỄN TRÍ CƯỜNG

Văn phòng công chứng Cửu Long, Thành phố Cần Thơ

THE NOTARYS RESPONSIBILITY FOR DAMAGES RECOMPENSE WHEN A NOTARIZED DOCUMENT IS DECLARED NULL AND VOID

● Master of Law. **NGUYEN TRI CUONG**
Cuu Long Notary Office

ABSTRACT:

When a notarized document is declared to be invalid, a notary's liability for damages shall arise if there are grounds to believe that there was a violation by a notary during the process of notarization. The notary's liability to compensate for damage is a specific civil liability, which is set forth in the relationship between the notary and the notarization requester or other organization and individual related to the invalid notarized documents.

Keywords: Compensation for damage, notary, invalidated notarized documents.